CASUMINA
BẠN ĐƯỜNG TIN CẬY

CATALOGUE
LỐP XE MÁY
TUBETYPE M/C TYRE

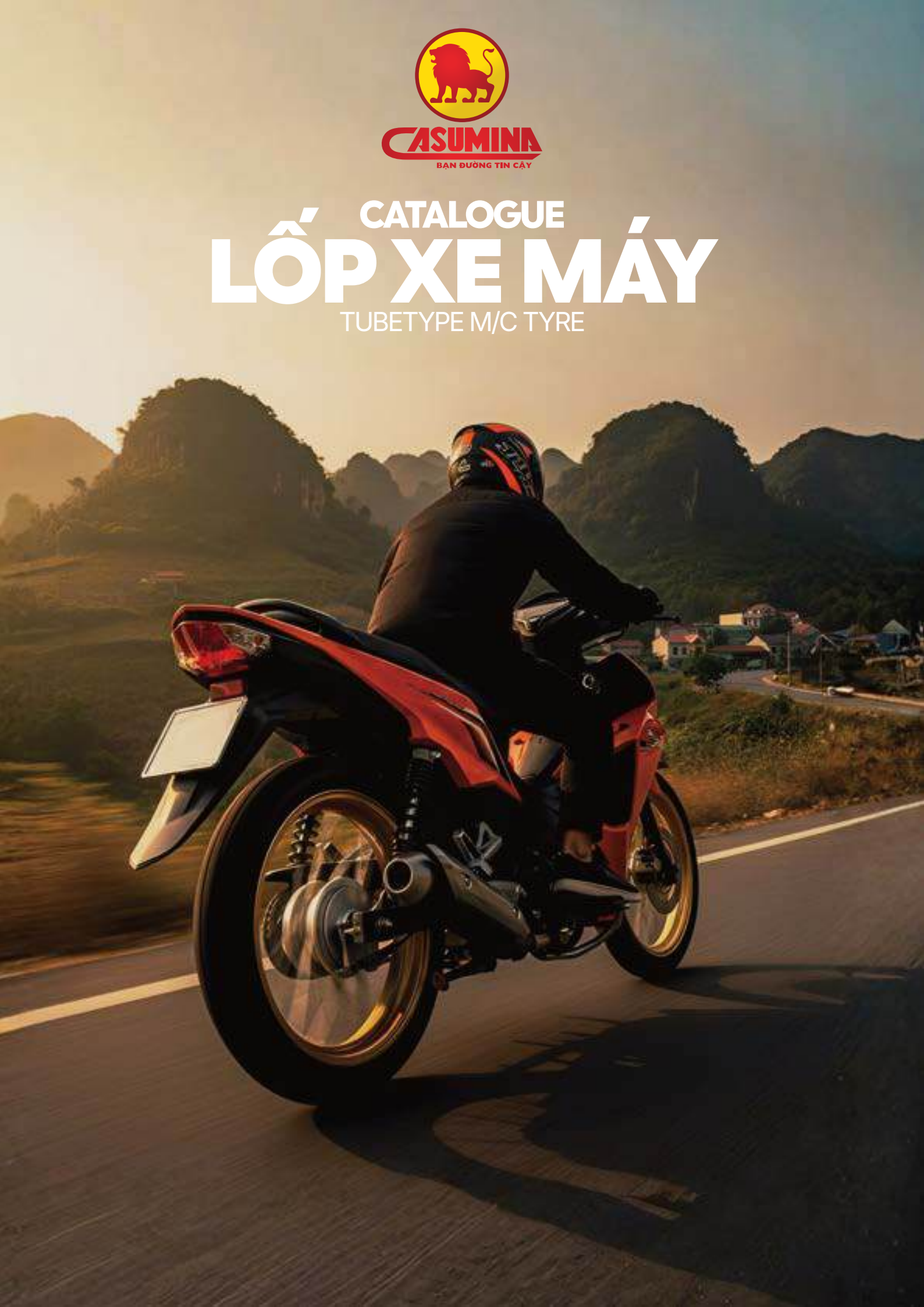

MOTORCYCLE TYRE CATALOGUE MOTORCYCLE TYRE CATALOGUE MOTORCYCLE TYRE CATALOGUE MOTORCYCLE TYRE CATALOGUE

Mục lục *TABLE OF CONTENTS*

P01 Mục lục / Table of contents

P02 Giới thiệu / Introduction

P03 Cấu trúc lốp xe máy / Motorcycle tyre construction

P05 - 10 Catalogue

P11 Săm xe máy / Motorcycle tube

P12 - 13 Bảng thông số kĩ thuật / Technical specifications chart

Giới thiệu *INTRODUCTION*

Casumina là thương hiệu săm lốp xe có thị phần lớn nhất tại thị trường Việt Nam. Săm lốp xe máy Casumina có nhiều quy cách, mẫu mã đa dạng phù hợp với nhiều loại xe đang có trên thị trường trong và ngoài nước với đặc tính nổi trội về độ bền, chạy êm, bám đường tốt.

Săm lốp xe máy Casumina được sản xuất theo tiêu chuẩn JIS của Nhật Bản K6366, K6367, và được kiểm soát bằng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001, ISO 14001. Sản phẩm săm lốp xe máy Casumina trong nhiều năm qua được các nhà sản xuất xe máy Suzuki, Yamaha... lựa chọn lắp ráp và bán thay thế.

Casumina brand has the biggest tube & tyre market share in Vietnam. Casumina tube & tire has many tyre sizes and tread designs in order to fit various motorcycles for domestic and foreign markets, with dominant features in durability, comfortable driving and good traction.

Casumina tube & tyre is made following Japanese Industrial Standards JIS K6366 and JIS K6367; is controlled according to ISO 9001 and ISO 14001 system. Casumina products have being chosen to be assembling parts and spare parts by motorcycle manufacturers such as Suzuki, Yamaha etc.

Cấu trúc lốp xe máy *MOTORCYCLE TYRE CONSTRUCTION*

1 Mặt lốp - Tread

2 Lớp vải mành chéo - Bias plies carcass

3 Tanh thép - Bead wire

CA101A

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
2.25-17	4	33L
2.50-17	4	38L
2.50-17	4	38L
2.75-18	4	41L
2.75-18	6	48L

CA101D

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
2.25-17	4	33L

CA102A

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
2.50-17	6	43L
2.50-17	8	45L
2.75-17	6	47L
2.75-17	8	50L
3.00-16	6	48P
3.00-17	6	50L
3.00-17	8	53L

CA102C

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
3.00-17	8	53P

CA103A

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
4.00-12	10	33L

CA108C

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
2.50-17	6	43

CA108D

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
2.50-17	6	43L

CA108E

	Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
	Size	PR	Index
	3.50-19	12	57L
Thổ	3.50-19	12	57

CA109A

	Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
	Size	PR	Index
	3.00-19	6	49L
Thổ	3.00-19	6	49

CA109C

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
4.00-19	4	70L

CA110A

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
70/90-17	4	38P
80/90-17	6	50P

CA113A

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
2.75-17	4	41L
2.75-17	4	42P

CA116A

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
3.50-10	6	59L

CA118A

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
2.75-18	6	48P

CA120A

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
2.50-17	4	38L
2.50-17	6	43L
3.50-16	6	52P

CA120C

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
2.25-17	4	33L
2.50-17	4	38L
2.75-17	6	47P

CA120G

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
70/90-17	6	43P

CA122G

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
70/90-17	4	38P
70/100-17	4	40P
80/90-17	6	50P

CA122K

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
2.75-17	6	47L

CA123A

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
2.25-17	4	33L
2.50-17	4	38L
2.50-17	6	43L
2.50-17	8	45P

CA126C

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
2.50-17	4	38L
2.75-17	4	41L

CA126F

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
3.00-19	6	49L
3.50-19	12	57L

CA128D

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
80/90-16	6	43P

CA128E

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
70/90-14	4	34P
70/90-16	4	36P

CA128F

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
2.25-17	4	33L
2.50-17	4	38L
2.75-17	4	41L
60/80-17	4	27P
70/80-17	4	35P
70/90-16	4	36P
70/90-17	4	38P
80/80-17	6	47P
80/90-16	6	43P
80/90-17	4	44P
90/80-17	4	46P
90/80-17	6	53P

CA128I

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
80/90-14	4	40P

CA128K

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
2.25-17	4	33L
2.50-17	6	43L
60/90-17	4	30P
60/90-17	4	43L
70/90-14	4	34P
70/90-17	4	38P
80/90-14	4	40P
80/90-17	4	44P
80/90-17	6	50P
90/90-14	6	52P

CA128L

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
70/90-17	4	38P

CA130A

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
2.75-18	6	48P
90/90-18	6	57

CA132A

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
3.00-17	6	45L
3.00-17	6	45P

CA134A

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
3.50-10	4	51M
3.50-10	6	59L

CA134I

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
2.50-17	4	38L
2.75-17	6	47L
70/90-17	4	38P
80/90-17	6	50P

CA134V

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
50/90-17	4	21P
60/80-17	4	27P
70/80-17	4	35P

CA135A

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
3.00-10	6	50J

CA136A

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
2.50-17	4	38L
2.50-17	6	43L
2.50-17	8	50P

CA136B

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
2.25-17	4	33L

CA137A

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
2.50-17	4	38L
2.50-17	6	43L
2.75-17	6	47P
3.00-17	6	50P

CA137B

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
2.50-17	4	38L

CA138A

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
3.00-18	4	47
3.00-18	6	52

CA139B

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
60/90-17	4	30P
70/90-17	4	38P
80/90-17	6	50P

CA140A

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
2.50-17	4	38L
2.75-17	4	38P

CA140B

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
2.50-17	4	38L

CA140C

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
70/90-17	4	38P

CA140D

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
80/90-17	6	50P

CA142A

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
2.75-17	4	41L
2.75-17	6	47L
2.75-17	6	47P

CA142B

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
2.50-17	4	38L

CA142C

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
2.25-17	4	33L

CA142D

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
2.50-17	4	38L
2.50-17	6	43L
2.75-17	4	41L
70/100-17	4	40P

CA142F

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
2.50-17	4	38L

CA142G

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
2.75-17	4	41L

CA142H

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
80/90-17	6	50P

CA144A

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
70/80-17	4	35P
80/80-17	6	47P

CA147C

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
3.00-17	6	50P
3.00-18	6	52P
3.50-18	6	62P

CA134R

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
90/90-14	6	52P

CA134S

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
2.25-17	4	33L
2.50-17	6	43L
2.75-17	6	47L
70/90-17	4	38P
80/90-17	6	50P

CA145A

Kích cỡ	Số PR	Chỉ số
Size	PR	Index
2.25-17	4	33L
2.50-17	6	43L

Săm xe máy CASUMINA

CASUMINA TUBE

Săm xe máy Casumina được sản xuất từ nguồn cao su chất lượng, với quá trình sản xuất kiểm soát nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn Nhật Bản, do đó chất lượng sản phẩm luôn thỏa mãn nhu cầu sử dụng của người tiêu dùng.

Săm xe máy Casumina đa dạng chủng loại phù hợp với hầu hết các dòng xe máy đang có mặt trên thị trường với hai thành phần cao su chính:

- Cao su thiên nhiên: Sản xuất từ 100% cao su thiên nhiên giúp sản phẩm có đặc tính dẻo dai, chịu được lực kéo dãn cao.
- Cao su Butyl: Cao su tổng hợp butyl bên trong thành phần giúp sản phẩm có đặc tính kín khí cao, bền bỉ và chịu nhiệt tốt hơn.

Casumina motorcycle tubes are made from quality rubber material, which are under strict process control to comply with Japanese Industrial Standards. That's the reason we satisfy all of consumer desire in tubes

Casumina motorcycle tubes have a vast product range for almost motorcycle brands with two rubber compounds:

- Natural rubber: Made of 100% natural rubber for excellent flexibility with high tensile strength

- Butyl rubber: Made of synthetic butyl rubber inside for low air permeability, good durability and heat resistance.

Kích cỡ săm Tube size	Đóng gói Package		Thành phần cao su Rubber compound	
	Hộp giấy Carton box	Bao PE PE bag	Thiên nhiên Natural R.	Butyl Butyl R.
3.50/4.00-8		X	X	
4.00/4.25-8		X		
2.75/3.00-10		X		X
3.00-10		X	X	
3.50-10		X		X
70-80/90-14		X	X	
90/90-14		X	X	
70-80/90-16		X	X	
3.50-16		X	X	
110/90-16	X	X	X	X
2.25/2.50-17	X	X	X	X
2.75/3.00-17	X	X	X	
2.75-17	X	X		X
2.75-17 (80/90-17)		X	X	X
3.00-17		X	X	
2.50-18		X	X	
2.50/2.75-18		X		
3.00-18		X	X	
3.00/3.25-18		X		
3.00-19		X	X	
3.50-19		X	X	
90/90-19		X		
90/90-21		X		

Bảng thông số kỹ thuật

TECHNICAL SPECIFICATIONS CHARTS

Quy cách Size	Mã gai Pattern	Vành Rim	Rộng vành Rim width	Kích thước bơm hơi Inflation dimension		Số lớp bố PR	Chỉ số tải &tốc độ Load&Speed index	Tải trọng tối đa (kg) Max load(kg)	Tốc độ tối đa (km/h) Max speed (km/h)	Áp lực bơm hơi (kPa) Inflation pressure (kPa)	Tiêu chuẩn Quality standards
				Đường kính ngoài(mm) Overall diameter(mm)	Chiều rộng(mm) Overall width(mm)						
	CA101A	17	1.40-1.60	556-568	60-66	4PR	33L	115	120	225	JIS
	CA101D	17	1.40-1.60	556-568	60-66	4PR	33L	115	120	225	JIS
	CA120C	17	1.40-1.60	556-568	60-66	4PR	33L	115	120	225	JIS
	CA123A	17	1.40-1.60	556-568	60-66	4PR	33L	115	120	225	JIS
	CA128F	17	1.40-1.60	556-568	60-66	4PR	33L	115	120	225	JIS
2.25-17	CA128K	17	1.40-1.60	556-568	60-66	4PR	33L	115	120	225	JIS
	CA134S	17	1.40-1.60	556-568	60-66	4PR	33L	115	120	225	JIS
	CA136B	17	1.40-1.60	556-568	60-66	4PR	33L	115	120	225	JIS
	CA142C	17	1.40-1.60	556-568	60-66	4PR	33L	115	120	225	JIS
	CA145A	17	1.40-1.60	556-568	60-66	4PR	33L	115	120	225	JIS
	CA101A	17	1.50	568-580	64-70	4PR	38L	132	120	230	JIS
	CA102A	17	1.50	568-580	64-70	6PR	43L	155	120	280	JIS
	CA102A	17	1.50	568-580	64-70	6PR	43L	155	120	280	JIS
	CA108C	17	1.50	568-580	64-70	6PR	43L	155	120	280	JIS
	CA108D	17	1.50	568-580	64-70	6PR	43L	155	120	280	JIS
	CA120A	17	1.50	568-580	64-70	4PR	38L	132	120	230	JIS
	CA120A	17	1.50	568-580	64-70	6PR	43L	155	120	280	JIS
	CA120C	17	1.50	568-580	64-70	4PR	38L	132	120	230	JIS
	CA123A	17	1.50	568-580	64-70	4PR	38L	132	120	230	JIS
	CA123A	17	1.50	568-580	64-70	6PR	43L	155	120	230	JIS
	CA126C	17	1.50	568-580	64-70	4PR	38L	132	120	230	JIS
	CA128F	17	1.50	568-580	64-70	4PR	38L	132	120	230	JIS
	CA128K	17	1.50	568-580	64-70	6PR	43L	155	120	280	JIS
2.50-17	CA134I	17	1.50	568-580	64-70	4PR	38L	132	120	230	JIS
	CA134S	17	1.50	568-580	64-70	6PR	43L	155	120	280	JIS
	CA136A	17	1.50	568-580	64-70	4PR	38L	132	120	230	JIS
	CA136A	17	1.50	568-580	64-70	6PR	43L	155	120	280	JIS
	CA136A	17	1.50	568-580	64-70	8PR	45P	165	150	280	JIS
	CA137A	17	1.50	568-580	64-70	4PR	38L	132	120	230	JIS
	CA137A	17	1.50	568-580	64-70	6PR	43L	155	120	280	JIS
	CA137B	17	1.50	568-580	64-70	4PR	38L	132	120	230	JIS
	CA137C	17	1.50	568-580	64-70	4PR	38L	132	120	230	JIS
	CA137D	17	1.50	568-580	64-70	6PR	43L	155	120	280	JIS
	CA137G	17	1.50	568-580	64-70	4PR	38L	132	120	230	JIS
	CA140A	17	1.50	568-580	64-70	4PR	38L	132	120	230	JIS
	CA140B	17	1.50	568-580	64-70	4PR	38L	132	120	230	JIS
	CA142D	17	1.50	568-580	64-70	4PR	38L	132	120	230	JIS
	CA132D	17	1.50	568-580	64-70	6PR	43L	155	120	280	JIS
	CA142D	17	1.50	568-580	64-70	4PR	38L	132	120	230	JIS
	CA145A	17	1.50	568-580	64-70	6PR	43L	155	120	280	JIS
2.50-18	CA101A	18	1.50	593-605	64-70	4PR	40	140		230	JIS
	CA102A	17	1.85	588-600	75-81	6PR	47L	175	120	280	JIS
	CA102A	17	1.85	588-600	75-81	8PR	50L	190	120	280	JIS
	CA113A	17	1.85	588-600	75-81	4PR	41L	145	120	230	JIS
	CA113A	17	1.85	588-600	75-81	4PR	42P	145	150	230	JIS
	CA120C	17	1.85	588-600	75-81	6PR	47P	175	150	280	JIS
	CA122K	17	1.85	588-600	75-81	6PR	47L	175	120	280	JIS
	CA122L	17	1.85	588-600	75-81	4PR	41P	145	150	230	JIS
	CA126C	17	1.85	588-600	75-81	4PR	41L	145	120	230	JIS
2.75-17	CA128F	17	1.85	588-600	75-81	4PR	41L	145	120	230	JIS
	CA134I	17	1.85	588-600	75-81	6PR	47L	175	120	280	JIS
	CA134S	17	1.85	588-600	75-81	6PR	47L	175	120	280	JIS
	CA137A	17	1.85	588-600	75-81	6PR	47P	175	150	280	JIS
	CA140A	17	1.85	588-600	75-81	6PR	47L	175	120	280	JIS
	CA142A	17	1.85	588-600	75-81	4PR	41L	145	120	230	JIS
	CA142A	17	1.85	588-600	75-81	6PR	47L	175	120	280	JIS
	CA142A	17	1.85	588-600	75-81	6PR	47P	175	150	280	JIS
	CA142D	17	1.85	588-600	75-81	4PR	41L	145	120	230	JIS
	CA142G	17	1.85	588-600	75-81	4PR	41L	145	120	230	JIS
2.75-18	CA101A	18	1.85	613-625	75-81	4PR	41L	145	120	230	JIS
	CA101A	18	1.85	613-625	75-81	6PR	48L	180	120	280	JIS
	CA118A	18	1.85	613-625	75-81	6PR	48P	180	150	280	JIS
	CA130A	18	1.85	613-625	75-81	6PR	48P	180	150	280	JIS
3.00-10	CA135A	10	2.15	413-422	80-86	6PR	50J	190	100	325	JIS
3.00-16	CA102A	16	1.85	576-588	80-86	6PR	48P	180	150	280	JIS
	CA102A	17	1.85	602-614	80-86	6PR	50L	190	120	280	JIS
	CA102A	17	1.85	602-614	80-86	8PR	53L	206	120	280	JIS
	CA102C	17	1.85	602-614	80-86	8PR	53P	206	150	280	JIS
3.00-17	CA132A	17	1.85	602-614	80-86	6PR	45L	165	120	280	JIS
	CA132A	17	1.85	602-614	80-86	6PR	45P	165	150	280	JIS
	CA132D	17	1.85	602-614	80-86	8PR	53P	206	150	280	JIS
	CA137A	17	1.85	602-614	80-86	6PR	50P	190	150	280	JIS
	CA147C	17	1.85	602-614	80-86	6PR	50P	190	150	280	JIS
	CA138A	18	1.85	627-639	80-86	4PR	47	175		230	JIS
3.00-18	CA138A	18	1.85	627-639	80-86	6PR	52	200		280	JIS
	CA147C	18	1.85	627-639	80-86	6PR	52P	200	150	280	JIS

Số PR:

Cho biết khả năng chịu tải của lốp khi bơm đủ áp suất hơi

Ply Rating (PR):

Identifies how much load the tire is designed to carry at its specified pressure

Chỉ số tải và ký hiệu tốc độ:

Là sự kết hợp của một dãy số và một chữ cái, quy định tải trọng tối đa và tốc độ tối đa khi bơm đủ áp suất hơi

Load Index (LI) and Speed Rating symbol:

Is the combination of a numberic sequence and a alphabetical letter, identifies the maximum service load and speed at its specified pressure.

Speed Rating	Km/h
J	100
K	110
L	120
M	130
N	140
P	150

Quy cách Size	Mã gai Pattern	Vành Rim	Rộng vành Rim width	Kích thước bơm hơi Inflation dimension		Số lớp bố PR	Chỉ số tải &tốc độ Load&Speed index	Tải trọng tối đa (kg) Max load(kg)	Tốc độ tối đa (km/h) Max speed (km/h)	Áp lực bơm hơi (kPa) Inflation pressure (kPa)	Tiêu chuẩn Quality standards
				Đường kính ngoài(mm) Overall diameter(mm)	Chiều rộng(mm) Overall width(mm)						
3.00-19	CA109A	19	1.85	653-665	80-86	6PR	49L	185	120	280	JIS
	CA126F	19	1.85	653-665	80-86	6PR	49L	185	120	280	JIS
	CA116A	10	2.50	437-448	92-99	6PR	59L	243	120	325	JIS
3.50-10	CA134A	10	2.50	437-448	92-99	4PR	51M	195	130	250	JIS
	CA134A	10	2.50	437-448	92-99	6PR	59L	243	120	325	JIS
3.50-16	CA120A	16	2.15	598-612	93-100	6PR	52P	200	150	280	JIS
3.50-18	CA147E	18	2.15	649-663	93-100	6PR	62P	265	150	280	JIS
3.50-19	CA108E	19	2.15	675-689	93-100	12PR	57L	230	120		JIS
	CA126F	19	2.15	675-689	93-100	12PR	57L	230	120		JIS
50/90-17	CA134V	17	1.20	522-528	50-54	4PR	21P	82.5	150	230	JIS
60/80-17	CA128F	17	1.40	528-534	60-66	4PR	27P	97.5	150	230	JIS
	CA134V	17	1.40	528-534	60-66	4PR	27P	97.5	150	230	JIS
60/90-17	CA128K	17	1.40	540-548	60-66	4PR	30P	106	150	230	JIS
	CA139B	17	1.40	540-548	60-66	4PR	30P	106	150	230	JIS
	CA128F	17	1.60	544-552	69-76	4PR	35P	121	150	230	JIS
70/80-17	CA144A	17	1.60	544-552	69-76	4PR	35P	121	150	230	JIS
	CA134V	17	1.60	544-552	69-76	4PR	35P	121	150	230	JIS
70/90-14	CA128E	14	1.60	482-490	69-76	4PR	34P	118	150	230	JIS
	CA128K	14	1.60	482-490	69-76	4PR	34P	118	150	230	JIS
70/90-16	CA128E	16	1.60	532-540	69-76	4PR	36P	125	150	230	JIS
	CA128F	16	1.60	532-540	69-76	4PR	36P	125	150	230	JIS
	CA110A	17	1.60	558-566	69-76	4PR	38P	132	150	230	JIS
	CA122G	17	1.60	558-566	69-76	4PR	38P	132	150	230	JIS
	CA125B	17	1.60	558-566	69-76	4PR	38P	132	150	230	JIS
	CA128F	17	1.60	558-566	69-76	4PR	38P	132	150	230	JIS
	CA128K	17	1.60	558-566	69-76	4PR	38P	132	150	230	JIS
70/90-17	CA128L	17	1.60	558-566	69-76	4PR	38P	132	150	230	JIS
	CA134I	17	1.60	558-566	69-76	4PR	38P	132	150	230	JIS
	CA134S	17	1.60	558-566	69-76	4PR	38P	132	150	230	JIS
	CA139B	17	1.60	558-566	69-76	4PR	38P	132	150	230	JIS
	CA140C	17	1.60	558-566	69-76	4PR	38P	132	150	230	JIS
	CA122G	17	1.60	558-566	69-76	4PR	38P	132	150	230	JIS
	CA120G	17	1.60	558-566	69-76	6PR	43P	155	150	280	JIS
70/100-17	CA122G	17	1.60	572-582	69-76	4PR	40P	130	150	230	JIS
	CA142D	17	1.60	572-582	69-76	4PR	40P	130	150	230	JIS
80/80-17	CA128F	17	1.85	560-568	80-88	6PR	47P	175	150	280	JIS
	CA144A	17	1.85	560-568	80-88	6PR	47P	175	150	280	JIS
80/90-14	CA128I	14	1.85	500-510	80-88	4PR	40P	140	150	230	JIS
	CA128K	14	1.85	500-510	80-88	4PR	40P	140	150	230	JIS
80/90-16	CA128D	16	1.85	550-560	80-88	6PR	43P	155	150	280	JIS
	CA128F	16	1.85	550-560	80-88	6PR	43P	155	150	280	JIS
	CA128F	17	1.85	576-586	80-88	4PR	44P	160	150	230	JIS
	CA128K	17	1.85	576-586	80-88	4PR	44P	160	150	230	JIS
	CA110A	17	1.85	576-586	80-88	6PR	50P	190	150	280	JIS
	CA122G	17	1.85	576-586	80-88	6PR	50P	190	150	280	JIS
	CA125B	17	1.85	576-586	80-88	6PR	50P	190	150	280	JIS
80/90-17	CA128K	17	1.85	576-586	80-88	6PR	50P	190	150	280	JIS
	CA134I	17	1.85	576-586	80-88	6PR	50P	190	150	280	JIS
	CA134S	17	1.85	576-586	80-88	6PR	50P	190	150	280	JIS
	CA139B	17	1.85	576-586	80-88	6PR	50P	190	150	280	JIS
	CA140D	17	1.85	576-586	80-88	6PR	50P	190	150	280	JIS
	CA142H	17	1.85	576-586	80-88	6PR	50P	190	150	280	JIS
80/100-21	CA137F	21	1.85	693-705	80-88	4PR	51M	195	130	230	JIS
110/100-18	CA137E	18	2.50	677-693	109-120	4PR	64M	280	130	230	JIS
120/90-18	CA137E	18	2.75	673-689	119-131	4PR	65M	290	130	230	JIS

Số PR:

Cho biết khả năng chịu tải của lốp khi bơm đủ áp suất hơi

Ply Rating (PR):

Identifies how much load the tire is designed to carry at its specified pressure

Chỉ số tải và ký hiệu tốc độ:

Là sự kết hợp của một dãy số và một chữ cái, quy định tải trọng tối đa và tốc độ tối đa khi bơm đủ áp suất hơi

Load Index (LI) and Speed Rating symbol:

Is the combination of a numberic sequence and a alphabetical letter, identifies the maximum service load and speed at its specified pressure.

Speed Rating	Km/h
J	100
K	110
L	120
M	130
N	140
P	150

CASUMINA

BẠN ĐƯỜNG TIN CẬY

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

180 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Xuân Hòa, TP. HCM
146 Nguyễn Biểu, phường Chợ Quán, TP.HCM
Điện thoại: (084) 2838 362 369 I (084)2838 362 373
E-mail: casumina@casumina.com.vn
Website: casumina.com

180 Nguyen Thi Minh Khai, Xuan Hoa ward, Ho Chi Minh city, Vietnam
146 Nguyen Bieu, Cho Quan ward, Ho Chi Minh city, Vietnam
[t]: (084) 2838 362 369 I (084)2838 362 373
E-mail: casumina@casumina.com.vn
Website: casumina.com

FACEBOOK CASUMINA

ZALO CASUMINA